TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **807**/2017/HC-PT
Ngày : 30/8/2017

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán:

1. Bà Mai Thị Thanh Tú

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thùy Quyên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: *Bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên*

Ngày 22 và 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 140/2015/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2015 về "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng".

Do Bản án số 12/2015/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1305/2017/QĐPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4372/2017/QĐPT-HC ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị Nguyễn T.– Sinh năm 1960
Cư trú: 14B1 Ngô Tất Tố, Phường A,Quận B,Thành phố Hồ Chí Minh

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Huyện C
Trụ sở: 330 Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, Huyện C , Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lưu – Chủ tịch (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện:

- Ông Lê Văn H. – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện C (Vắng mặt)

- Ông Huỳnh Quốc D. – Phó Trưởng Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng huyện C (Có mặt)

- Ông Huỳnh Văn H. – Phó Trưởng Phòng Tư pháp huyện C (Có mặt)

- Bà Hồ Thị Thiên N. – Trưởng Phòng nghiệp vụ 3 – Ban Bồi thường – Giải phóng mặt bằng huyện C (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị Nguyễn T. (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền lập ngày 18/7/2014: Bà Vũ Xuân Hòa (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Đơn khởi kiện ngày 25/6/2014 và các Bản tự khai ngày 28/7/2014; 29/7/2015, người khởi kiện trình bày:

Tháng 01/2000, bà Vũ Thị Nguyễn T. nhận chuyển nhượng diện tích đất mùa 1.210m^2 thuộc thửa số 228 và 235, tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện C theo Giấy tái xác nhận ngày 03/5/2011 của ông Nguyễn Văn Sánh và tự xây cất căn nhà nằm ở phía trước mặt tiền đường Lê Văn Lương. Sau đó, hai bên tiến hành làm thủ tục pháp lý và được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật biến động ngày 06/12/2002. Do thất lạc nên được cấp phó bản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00265 vào ngày 04/5/2005 ghi nhận hai thửa trên là thửa số 1520.

Trong tổng diện tích trên có một phần đất nằm phía sau với diện tích 706,6m^2 bị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi thuộc Dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 điều chỉnh Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 và Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 điều chỉnh Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 12/4/2013.

Bà Vũ Thị Nguyễn T. đã bàn giao mặt bằng và nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 860.688.000 đồng theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C(sau đây gọi tắt là Quyết định số 147/QĐ-UBND).

Do không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C , bà Vũ Thị Nguyễn T. gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND.

Văn bản số 1469/UBND-BBT ngày 18/8/2014 và số 1298/UBND ngày 22/6/2015, đại diện người bị kiện trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nguyễn T. do phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 147/QĐ-UBND được tính bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư nông thôn theo Phương án số 02/PABT-HĐBT ngày 29/11/2012 của Hội đồng Bồi thường của Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (sau đây gọi tắt là Phương án số 02/PABT-HĐBT).

Sau phiên đối thoại ngày 16/9/2014, Tòa án nhân dân huyện C nhận định: Người bị kiện cần rút kinh nghiệm về thẩm quyền ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND. Mặt khác, theo bản đồ đối chiếu hồ sơ lưu không thể hiện nhà tự xây dựng vào tháng 02/2000 nên việc bồi thường, hỗ trợ theo khoản 3 Mục II Phần VI của Phương án số 02/PABT-HĐBT là có căn cứ. Do đó, tuyên xử tại Bản án số 12/2015/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2015 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nguyễn T. , đồng thời tuyên án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/8/2015, bà Vũ Thị Nguyễn T. kháng cáo toàn bộ bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Vũ Xuân H. đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Nguyễn T. là sửa án sơ thẩm về hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND do ký sai thẩm quyền theo khoản 2 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003 và không xem xét đối với đất vườn, ao trong cùng một thửa đất có nhà ở tự xây dựng năm 2000 trong khu dân cư hiện hữu.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị y án sơ thẩm và không chấp nhận ý kiến của đại diện người kháng cáo vì diện tích nhận sang nhượng là hai thửa đất mùa, phần diện tích giải tỏa có nhà xây dựng sau năm 2002 nên xem xét bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo qui định. Diện tích bị giải tỏa là đất mùa, việc sử dụng không đúng với vị trí được cấp nên bị thu hồi giấy cấp phó bản là phù hợp, tính đơn giá bồi thường là có căn cứ, không cần thiết hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND về sai thẩm quyền, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét Đơn của người kháng cáo gửi trong hạn luật định, nên chấp nhận.

Xét Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo pháp luật người bị kiện phù hợp tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của đại diện người kháng cáo cho rằng tổng diện tích 1.210m^2 nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn Sánh vào năm 2000 thuộc thửa 228, 235 tờ bản đồ số 4 đã được hợp thành một thửa số 1520 theo Giấy chứng nhận cấp phó bản ngày 04/5/2005 (BL68). Trên phần diện tích này thể hiện qua Bản đồ hiện trạng vị trí số 179A ngày 18/9/2013 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Bản đồ Nhà Bè đã kiểm tra nội nghiệp (BL70) ghi nhận phần cấu trúc 5, 6, 7 có nhà, hiên, chòi là 62,2 m^2 thuộc diện tích giải tỏa và phần cấu trúc số 8, 9 có chòi là 11,7 m^2 thuộc diện tích ngoài ranh giải tỏa được xây dựng năm 2008 là phù hợp tại Văn bản xác minh số 169/XMNG ngày 11/11/2013 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện C (BL30). Ngoài ra, còn thể hiện phần cấu trúc số 11 là nhà đất 340,5m^2 thuộc diện tích ngoài ranh giải tỏa đã " ... xây dựng từ tháng 02 năm 2000, sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp." được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận ngày 08/11/2011 theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 03/4/2011; Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tờ tường trình nguồn gốc ngày 09/5/2011 của bà Vũ Thị Nguyễn T. . Do đó, người kháng cáo yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ diện tích 706,6m^2 bị thu hồi ngoài các cấu trúc trên còn có ao, đất gò, sân xi măng, hàng rào, trụ bê tông cốt thép phải được xác định là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trước năm 2002 theo khoản 1 Mục V Phần V của Phương án số 02/PABT-HĐBT là có căn cứ. Cấp sơ thẩm nhận định chưa chính xác toàn diện, cần rút kinh nghiệm.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị kiện cho rằng diện tích giải tỏa 706,6m^2 là đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư thuộc khu dân cư nông thôn là không phù hợp, bởi Văn bản số 169/XMNG ngày 11/11/2013 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện C xác định là " ... Đất nông nghiệp nằm trong qui hoạch khu dân cư hiện hữu" nên áp dụng đơn giá chính sách bồi thường, hỗ trợ theo khoản 3 Mục II Phần VI và khoản 2 Mục V Phần V của Phương án số 02/PABT-HĐBT là

không có căn cứ. Mặt khác, có sự sai lệch về số thửa 228, 235 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1793QSDĐ ngày 14/10/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Ccấp cho ông Nguyễn Văn Sánh hay số thửa 234-1, 235-1 theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 179A là không thuộc về lỗi của người kháng cáo vì đã sử dụng đúng vị trí trên phần diện tích nhận chuyển nhượng.

Xét việc ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là sai thẩm quyền như cấp sơ thẩm nhận định là đúng, tuy nhiên yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên sửa án sơ thẩm về hủy quyết định để xét lại việc bồi thường, hỗ trợ diện tích giải tỏa 706,6m^2 cho người kháng cáo theo pháp luật qui định.

Từ sự phân tích trên, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại hai khoản tiền tạm nộp án phí cho người khởi kiện (người kháng cáo) và tuyên hiệu lực pháp luật ngay khi tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 và Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 và khoản 2 Điều 37 của Pháp lệnh về án, phí lệ phí Tòa án năm 2009,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Nguyễn T. và sửa Bản án số 12/2015/HC-ST ngày 29/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện C .

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nguyễn T. như sau:

1.1 Tuyên Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Vũ Thị Nguyễn T. là không đúng pháp luật.

1.2 Ủy ban nhân dân huyện C có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ cho bà Vũ Thị Nguyễn T. phần diện tích đất bị thu hồi 706,6m^2 thuộc thửa số 1520, tờ bản đồ số 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2005 theo pháp luật.

2. Về án phí hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện C chịu án phí 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị Nguyễn T. tổng số tiền tạm nộp 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0624 ngày 01/7/2014 và số 01523 ngày 07/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện KSND cấp cao tại TPHCM;
- Viện KSNDTPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mỹ Cúc